

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nga
2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2022/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Ấp 6, xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Công T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp 2, xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-6-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh H trình bày:

Về hôn nhân: Bà đăng ký kết hôn với ông Hồ Công T tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 02-12-2002 (giấy chứng nhận kết hôn số 146). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai mai mối, ép

buộc. Sau khi kết hôn bà H và ông T chung sống tại nhà bà H ở ấp 6, xã HB. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên cuộc sống không hạnh phúc, ông T nhiều lần ghen tuông vô cớ và còn hành hung, đánh bà H. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải và thông cảm bỏ qua cho nhau nhưng không thành, trái lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể nào khắc phục được. Từ năm 2006 đến nay ông T và bà H không còn chung sống với nhau nữa, ông T về nhà cha mẹ ông T ở ấp 2, xã HB sống, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà H và ông T có 02 con chung Hồ Công M, sinh ngày 20/12/2003 và Hồ Anh V, sinh ngày 17/4/2006. Hiện cháu Minh đã trưởng thành, còn cháu Vũ đang sống cùng bà H. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Công T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn không đến Tòa án tham gia giải quyết, không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Bà H có đơn xin vắng mặt. Ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn ông T vắng mặt trong quá trình tố tụng là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ánh H yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Hồ Công T nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; bị đơn ông T có địa chỉ cư trú tại

huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà H có đơn xin vắng mặt, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về hôn nhân*: Bà H và ông T đăng ký hôn vào ngày 02/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, ông T hay ghen tuông vô cớ và có lần hành hung, đánh đập bà H. Theo bà H hôn nhân của bà và ông T không có hạnh phúc. Tại Tòa bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn.

Kết quả xác minh cho thấy: Bà H và ông T chung sống với nhau vào năm 2002 tại ấp 6, xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, đến năm 2006 thì vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, nguyên nhân do ông T có tính gia trưởng nên vợ chồng hay cãi nhau. Ông T về nhà cha mẹ tại ấp 2, xã HB sinh sống. Bà H và ông T có 02 con chung hiện đang do bà H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bản thân ông T không có thiện chí mong muốn đoàn tụ vợ chồng.

Từ những tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp; thực tế xác minh tại địa phương cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật, theo chiều hướng kéo dài và trầm trọng, ông, bà đã thực sự không còn tình cảm với nhau, không chung sống cùng nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà H và ông T có 02 con chung Hồ Công M, sinh ngày 20/12/2003 và Hồ Anh V, sinh ngày 17/4/2006. Hiện cháu Minh đã trưởng thành nên không xem xét, còn cháu Vũ đang ở với bà H. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ thời gian vợ chồng ly thân, con sống ổn định cùng bà H, cháu Vũ phát triển bình thường, đồng thời cháu có nguyện vọng ở với bà H, do đó để tránh xáo trộn trong tâm lý, sinh hoạt của cháu Vũ. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà H. Giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Ánh H ly hôn ông Hồ Công T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ánh H và ông Hồ Công T có 02 con chung Hồ Công M, sinh ngày 20/12/2003 và Hồ Anh V, sinh ngày 17/4/2006. Hiện cháu Minh đã trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Giao con chung Hồ Anh V cho bà Nguyễn Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ đối với con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không được ai cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0011128 ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**